

Số: 60/MHC

V/v: "BCTC 6 tháng năm 2017 đã soát xét
– Công ty mẹ"

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92 đường Võ Thị Sáu, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024 35770810

Fax: 024 35770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92 đường Võ Thị Sáu, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017 đã soát xét - Công ty mẹ

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/08/2017 tại đường dẫn www.marinahanoi.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính 6 tháng
năm 2017 đã soát xét – Công ty mẹ

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
Nguyễn Thị Lan Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Đặng Tiến Thành	Chủ tịch
Ông Đỗ Hồng Thái	Thành viên
Ông Phạm Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên
Ông Dương Phi Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành:

Ông Nguyễn Công Tuấn	Tổng Giám đốc	từ ngày 19/05/2017
	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 18/05/2017
Ông Đặng Tiến Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 18/05/2017

Ban Kiểm soát:

Ông Phan Thế Minh	Trưởng ban Kiểm soát	từ ngày 09/05/2017
Ông Đặng Xuân Quang	Trưởng ban Kiểm soát	đến ngày 16/04/2017
Bà Nguyễn Thúy Nga	Thành viên	
Bà Lê Thị Huyền Trang	Thành viên	

Trưởng phòng kế toán:

Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng kế toán
-----------------------	----------------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08/08/2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần MHC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 27/03/2017.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		448.692.076.744	315.377.123.801
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.316.865.939	4.313.460.344
Tiền	111		5.316.865.939	2.313.460.344
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	427.681.761.383	291.733.599.488
Chứng khoán kinh doanh	121		455.209.510.104	324.769.535.927
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(27.527.748.721)	(33.035.936.439)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.088.750.395	14.402.015.792
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.051.695.600	6.411.739.081
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.490.185.318	199.649.909
Các khoản phải thu khác	136	7	10.032.215.064	14.775.972.389
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.485.345.587)	(6.985.345.587)
Hàng tồn kho	140		-	275.000
Hàng tồn kho	141		-	275.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.604.699.027	4.927.773.177
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.258.781	40.844.780
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.167.469.519	1.205.408.710
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	2.420.970.727	3.681.519.687
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.349.834.857	194.713.567.376
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.002.500.000	10.002.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	10.002.500.000	10.002.500.000
Tài sản cố định	220		2.465.752.736	2.524.853.713
Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.465.752.736	1.778.359.913
- Nguyên giá	222		2.967.452.762	2.102.985.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(501.700.026)	(324.625.940)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	746.493.800
Bất động sản đầu tư	230	10	28.094.582.121	28.868.941.263
- Nguyên giá	231		38.530.325.770	38.530.325.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.435.743.649)	(9.661.384.507)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	129.787.000.000	153.317.272.400
Đầu tư vào công ty con	251		125.350.000.000	125.002.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.437.000.000	4.437.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	23.878.272.400
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		619.041.911.601	510.090.691.177

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		130.392.771.087	28.145.472.333
Nợ ngắn hạn	310		30.699.688.087	28.095.890.333
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	4.321.653.833	3.911.203.208
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.267.000	135.267.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	27.728.963	4.865.802
Phải trả người lao động	314		918.711.295	873.797.076
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.932.451.530	2.248.677.360
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		240.492.768	10.909.089
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.340.594.986	2.386.317.638
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	17.869.545.754	18.197.231.202
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.913.241.958	327.621.958
Nợ dài hạn	330		99.693.083.000	49.582.000
Phải trả dài hạn khác	337	14	49.582.000	49.582.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	99.643.501.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		488.649.140.514	481.945.218.844
Vốn chủ sở hữu	410	16	488.649.140.514	481.945.218.844
Vốn góp của chủ sở hữu	411		327.352.100.000	327.352.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		327.352.100.000	327.352.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.712.225.710	8.712.225.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.971.434.804	117.267.513.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		114.967.513.134	20.350.848.798
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.003.921.670	96.916.664.336
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		619.041.911.601	510.090.691.177

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc

Trưởng phòng kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Công Tuấn

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Lan Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	20.274.747.783	15.020.812.015
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.274.747.783	15.020.812.015
Giá vốn hàng bán	11	18	17.404.235.698	12.364.939.443
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.870.512.085	2.655.872.572
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	13.401.326.885	124.766.124.153
Chi phí tài chính	22	20	2.987.111.828	22.791.825.667
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.241.504.956	766.708.371
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	2.721.300.821	2.931.567.458
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.563.426.321	101.698.603.600
Thu nhập khác	31		223.543.606	-
Chi phí khác	32		11.964.385	1.143.694
Lợi nhuận khác	40		211.579.221	(1.143.694)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.775.005.542	101.697.459.906
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.771.083.872	18.560.147.489
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.003.921.670	83.137.312.417

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc

Trưởng phòng kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Công Tuấn

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Lan Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.775.005.542	101.697.459.906
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		951.433.228	837.403.500
Các khoản dự phòng	03		(6.008.187.718)	13.362.758.085
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		22.778.611	86.681.863
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(12.426.673.234)	(116.190.457.358)
Chi phí lãi vay	06		1.241.504.956	766.708.371
Các khoản điều chỉnh khác	07			-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(5.444.138.615)	560.554.367
Tăng giảm các khoản phải thu	09		11.043.416.316	1.260.085.263
Tăng giảm hàng tồn kho	10		275.000	64.000
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(713.184.028)	(360.476.948)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		24.585.999	(133.713.892)
Tiền lãi vay đã trả	14		(590.771.126)	(586.225.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.042.655)	(21.200.239.616)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(714.380.000)	(6.300.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		3.573.760.891	(20.466.251.863)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(864.466.909)	(34.575.008)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	840.250.909	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(335.540.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	147.540.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(164.849.692.321)	(242.402.111.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.544.800.350	420.234.328.023
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.086.440.234	9.992.498.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(102.242.667.737)	(209.859.291)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	13.490.390.000	
Tiền thu từ đi vay	33	147.421.102.511	48.552.734.949	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(47.748.787.959)	(37.217.598.486)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	99.672.314.552	24.825.526.463	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.003.407.706	4.149.415.309	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.313.460.344	725.680.520	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.111)	10.553	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	5.316.865.939	4.875.106.382

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Tuấn

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh

Người lập biểu

Lê Thị Lan Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần MHC (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội), tên viết tắt là MHC COMPANY (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) lần đầu ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 25 ngày 25/05/2017.

Công ty Cổ phần MHC có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 327.352.100.000 đồng.

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần MHC được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Công Tuấn.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phương tiện vận tải	05 - 10

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao Bất động sản đầu tư tòa nhà cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ các Công ty phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán:

- Đối với các chứng khoán kinh doanh: Dự phòng được ghi nhận khi giá chứng khoán trên thị trường giảm thấp hơn giá trị ghi sổ của các chứng khoán;
- Đối với khoản đầu tư vào Công ty con, liên kết, và đầu tư dài hạn khác: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng xuất khẩu được ghi nhận khi Công ty hoàn thành thủ tục hải quan về kê khai xuất khẩu hàng hóa và hàng thực xuất khỏi cảng Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền mặt	132.890.962	153.768.842
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.183.974.977	2.159.691.502
- Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	<u>5.316.865.939</u>	<u>4.313.460.344</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2017				01/01/2017			
	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh			455.209.510.104	27.527.748.721		324.769.535.927		33.035.936.439
- Tổng giá trị cổ phiếu			249.767.051.771	27.527.748.721		119.327.077.594		33.035.936.439
+ Công ty CP cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	MAC	1.650.000	15.001.100.000	200.600.000	1.650.000	15.001.100.000		530.600.000
+ Công ty CP Cao su Sao Vàng	SRC	-	-	-	194.288	5.109.517.410		1.728.906.210
+ Công ty CP Transimex	TMS	2	58.355	-	2	58.355		-
+ Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	5.000	350.000.000	-	5.000	350.000.000		-
+ Công ty CP DAP-Vinachem	DDV	4.526.110	46.504.501.221	11.427.148.721	6.702.510	68.866.401.829	20.876.430.229	
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia	SLC	1.500.000	30.000.000.000	15.900.000.000	1.500.000	30.000.000.000	9.900.000.000	
+ Công ty CP Chứng khoán IB	VIX	600.000	4.176.785.795	-	-	-	-	
+ Công ty CP GTNFoods	GTN	212.000	3.166.584.000	-	-	-	-	
+ Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	FRM	1.577.024	23.878.272.400	-	-	-	-	
+ Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	GEX	5.500.000	126.689.750.000	-	-	-	-	
Chứng quyền			20.000.000.000	-		20.000.000.000		
+ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*)	GEX	400	20.000.000.000	-	400	20.000.000.000	-	
- Tổng giá trị trái phiếu			185.442.458.333	-		185.442.458.333		
+ Trái phiếu Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng (**)		185	185.442.458.333	-	185	185.442.458.333		

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	129.787.000.000	-	153.317.272.400	-
Đầu tư vào Công ty con	125.350.000.000	-	125.002.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Marina	110.350.000.000	-	110.002.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	4.437.000.000	-	4.437.000.000	-
+ Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (***)	1.734.000.000	-	1.734.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	2.703.000.000	-	2.703.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	23.878.272.400	-
+ Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	-	-	23.878.272.400	-

(*) Chứng quyền do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành. Mỗi chứng quyền được chuyển đổi thành 50.000 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(**) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2016 có kỳ hạn 5 năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất công biên độ 3,5%/năm. Mỗi trái phiếu được đảm bảo bởi 62.500 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

(***) Công ty sở hữu 51% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay vì “Đầu tư vào công ty con”. Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kế hoạch thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa hoàn thành việc thanh lý khoản đầu tư này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.051.695.600	5.473.183.019	6.411.739.081	5.973.183.019
- Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.016.183.019	5.016.183.019	5.516.183.019	5.516.183.019
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	328.000.000	328.000.000	328.000.000	328.000.000
- Công ty TNHH Cảng Hải An	453.440.388	-	201.799.455	-
- Công ty CP Nhựa Miền Trung	22.550.000	-	103.339.167	-
- Phải thu khách hàng khác	1.231.522.193	129.000.000	262.417.440	129.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.032.215.064	1.012.162.568	14.775.972.389	1.012.162.568
- Phải thu về lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.670.575.213	-	3.769.643.838	-
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	137.541.667	-
- Lãi trái phiếu, tiền gửi	56.730.556	-	9.475.083.333	-
- Phải thu khác	4.284.909.295	1.012.162.568	1.393.703.551	1.012.162.568
Dài hạn	10.002.500.000	-	10.002.500.000	-
- Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	2.500.000	-	2.500.000	-

(*) Từ năm 2014, Công ty tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tàu chở container với 5 đối tác, bao gồm: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức, Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An và Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, (nếu có) từ hoạt động kinh doanh từ tàu chở container nói trên tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn tối thiểu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm và có thể được gia hạn thêm nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

Kết quả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Phần Công ty được nhận theo Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư và khai thác đội tàu container này được lập bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu	16.682.048.940	12.572.068.930
Giá vốn	14.181.933.118	10.100.423.087
Doanh thu hoạt động tài chính	27.703.540	-
Chi phí tài chính	181.522.104	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	96.660.123	-
Thu nhập khác	129.786.497	-
Chi phí khác		-
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh tàu	2.379.423.632	2.471.645.843
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	478.492.257	503.922.476
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh tàu	1.900.931.375	1.967.723.367

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2017	2.016.336.845	86.649.008	2.102.985.853
- Mua trong kỳ	-	864.466.909	864.466.909
30/06/2017	<u>2.016.336.845</u>	<u>951.115.917</u>	<u>2.967.452.762</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2017	264.868.604	59.757.336	324.625.940
- Khấu hao trong kỳ	171.311.584	5.762.502	177.074.086
30/06/2017	<u>436.180.188</u>	<u>65.519.838</u>	<u>501.700.026</u>
01/01/2017	<u>1.751.468.241</u>	<u>26.891.672</u>	<u>1.778.359.913</u>
30/06/2017	<u>1.580.156.657</u>	<u>885.596.079</u>	<u>2.465.752.736</u>

Tại ngày 30/06/2017: Nguyên giá TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.074.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2017	746.493.800	746.493.800
- Thanh lý, nhượng bán	(746.493.800)	(746.493.800)
30/06/2017	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2017	-	-
30/06/2017	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2017	746.493.800	746.493.800
30/06/2017	-	-

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	30/06/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá	38.530.325.770	-	38.530.325.770
- Nhà	38.530.325.770	-	38.530.325.770
Giá trị hao mòn lũy kế	9.661.384.507	774.359.142	10.435.743.649
- Nhà	9.661.384.507	774.359.142	10.435.743.649
Giá trị còn lại	28.868.941.263	(774.359.142)	28.094.582.121
- Nhà	28.868.941.263	(774.359.142)	28.094.582.121

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định vì không có giao dịch gần đây trên thị trường đối với bất động sản tương tự và cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.321.653.833	4.321.653.833	3.911.203.208	3.911.203.208
- Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
- Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
- ISS Machinery Services	451.652.591	451.652.591	436.072.267	436.072.267
- Hãng đăng kiểm Germanischer Lloyd	386.577.094	386.577.094	358.424.760	358.424.760
- Các đối tượng khác	2.089.456.791	2.089.456.791	1.722.738.824	1.722.738.824

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ		30/06/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	4.865.802	562.416.082	539.552.921	539.552.921	27.728.963	27.728.963	-	-
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	371.057.344	371.057.344	371.057.344	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	32.042.655	32.042.655	32.042.655	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.865.802	156.316.083	133.452.922	133.452.922	27.728.963	27.728.963	-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
Phải thu	3.681.519.687	-	1.260.548.960	1.260.548.960	2.420.970.727	2.420.970.727	1.846.898.574	1.846.898.574
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.107.447.534	-	1.260.548.960	1.260.548.960	-	-	-	-
- Thuế GTGT	574.072.153	-	-	-	-	-	574.072.153	574.072.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.932.451.530	2.248.677.360
- Chi phí bảo hiểm tàu	475.655.263	475.655.263
- Chi phí lãi vay	1.869.121.505	1.400.287.371
- Các khoản trích trước khác	587.674.762	372.734.726

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.340.594.986	2.386.317.638
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	837.594.986	883.317.638
Dài hạn	49.582.000	49.582.000
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	49.582.000	49.582.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**15.1 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.869.545.754	17.869.545.754	47.421.102.511	47.748.787.959	18.197.231.202	18.197.231.202
- Vay ký quỹ giao dịch chứng khoán (*)	8.729.545.754	8.729.545.754	47.421.102.511	47.748.787.959	9.057.231.202	9.057.231.202
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng (**)	7.140.000.000	7.140.000.000	-	-	7.140.000.000	7.140.000.000
- Cá nhân (***)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Khoản vay ngắn hạn này với thời hạn 3 tháng, lãi suất 13,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng một số chứng khoán do Công ty nắm giữ với giá gốc là: 42.046.014.755 đồng.

(**) Khoản vay Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng với thời hạn 1 năm, lãi suất 5%/năm.

(***) Là khoản vay cá nhân với thời hạn 1 năm, lãi suất 8%/năm.

15.2 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Là trái phiếu do Công ty phát hành ngày 23/06/2017, ngày đáo hạn 23/06/2019, lãi suất trái phiếu 10,8%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, lãi suất các kỳ tiếp theo được áp dụng bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng VND, trả sau kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng (“Lãi suất tham chiếu”)) công bố tại Sở giao dịch/Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở giao dịch), dịch 1) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) (gọi riêng là “Ngân hàng Tham chiếu”) và gọi chung là “các Ngân hàng Tham chiếu”) tại mỗi ngày Xác định Lãi suất cộng (+) biên độ 4%/năm. Giá trị cổ phiếu bảo đảm bao gồm: 4.526.110 cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM phát hành (DDV), 1.500.000 cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia phát hành (SLC), 600.000 cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần chứng khoán IB (VIX) và 2.400.000 cổ phần phổ thông do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành (GEX).

Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 100 trái phiếu, với mệnh giá trái phiếu là 1 tỷ đồng/trái phiếu. tổng chi phí phát hành trái phiếu là 360 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2016	271.109.080.000	28.679.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	91.854.805.798	400.354.491.508					
- Phát hành cổ phiếu	13.555.390.000	(65.000.000)	-	-	-	13.490.390.000					
- Lãi kỳ trước	-	-	-	-	96.916.664.336	96.916.664.336					
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(28.466.327.000)	(28.466.327.000)					
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.687.630.000	-	-	-	(42.687.630.000)	(28.466.327.000)					
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)					
31/12/2016	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	117.267.513.134	481.945.218.844					
01/01/2017	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	117.267.513.134	481.945.218.844					
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	9.003.921.670	9.003.921.670					
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)					
31/06/2017	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	123.971.434.804	488.649.140.514					

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần MHC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.2 CỔ PHIẾU

	30/06/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	32.735.210	32.735.210
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.735.210	32.735.210
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.735.210	32.735.210
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	120	120
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	120	120
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.735.090	32.735.090
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.735.090	32.735.090
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu	20.274.747.783	15.020.812.015
- Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu	3.592.698.843	2.448.743.085
- Doanh thu được nhận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	16.682.048.940	12.572.068.930
Doanh thu với các bên liên quan	219.959.452	212.950.159
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	219.959.452	212.950.159

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	3.222.302.580	2.264.516.356
- Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	14.181.933.118	10.100.423.087
	17.404.235.698	12.364.939.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.099.542.345	1.047.809.694
- Lãi thanh lý từ các khoản đầu tư	1.275.001.000	114.773.625.459
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.999.080.000	8.944.689.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	27.703.540	-
	13.401.326.885	124.766.124.153

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.241.504.956	766.708.371
- Hoàn nhập dự phòng	(169.355.300)	-
- Lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh	1.040.641.776	8.575.666.795
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.830.693	86.692.416
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	22.778.611	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	-	13.362.758.085
- Chi phí tài chính khác	831.711.092	-
	2.987.111.828	22.791.825.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.721.300.821	2.931.567.458
- Nhân viên quản lý	1.681.545.161	1.573.728.748
- Khấu hao tài sản cố định	66.886.026	-
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	49.759.809	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.277.835	757.560.446
- Dự phòng công nợ phải thu khó đòi	(500.000.000)	-
- Chi phí quản lý khác	610.831.990	600.278.264
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(500.000.000)	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(500.000.000)	-

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.775.005.542	101.697.459.906
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	1.999.080.000	8.944.689.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.999.080.000	8.944.689.000
Trừ các khoản thu nhập không phải từ hoạt động kinh doanh	2.473.180.741	2.471.645.843
- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh tài	2.379.423.632	2.471.645.843
- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	93.757.109	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ từ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.302.744.801	90.281.125.063
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.260.548.960	18.056.225.013
Thuế TNDN từ hoạt động đầu tư kinh doanh tài	478.492.257	503.922.476
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản	32.042.655	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.771.083.872	18.560.147.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	2.373.894.035	2.457.385.781
Khấu hao tài sản cố định	951.433.228	837.403.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.667.932	1.542.701.628
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (bao gồm chi phí nhiên liệu, khấu hao, nhân	14.181.933.118	10.100.423.087
Chi phí bằng tiền khác	313.608.206	358.592.905
	20.125.536.519	15.296.506.901

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.316.865.939	4.313.460.344
Đầu tư ngắn hạn	427.681.761.383	291.733.599.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.462.265.077	14.204.865.883
	442.460.892.399	310.251.925.715
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	117.513.046.754	18.197.231.202
Phải trả người bán và phải trả khác	6.711.830.819	6.347.102.846
Chi phí phải trả	2.932.451.530	2.248.677.360
	127.157.329.103	26.793.011.408

Tại ngày 30/06/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	17.869.545.754	99.643.501.000	117.513.046.754
Phải trả người bán và phải trả khác	6.662.248.819	49.582.000	6.711.830.819
Chi phí phải trả	2.932.451.530	-	2.932.451.530
	27.464.246.103	99.693.083.000	127.157.329.103
01/01/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	18.197.231.202	-	18.197.231.202
Phải trả người bán và phải trả khác	6.297.520.846	49.582.000	6.347.102.846
Chi phí phải trả	2.248.677.360	-	2.248.677.360
	26.743.429.408	49.582.000	26.793.011.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.316.865.939	-	5.316.865.939
Đầu tư ngắn hạn	427.681.761.383	-	427.681.761.383
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.459.765.077	2.500.000	9.462.265.077
	<u>442.458.392.399</u>	<u>2.500.000</u>	<u>442.460.892.399</u>
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.313.460.344	-	4.313.460.344
Đầu tư ngắn hạn	291.733.599.488	-	291.733.599.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.202.365.883	2.500.000	14.204.865.883
	<u>310.249.425.715</u>	<u>2.500.000</u>	<u>310.251.925.715</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

25. THÔNG TIN KHÁC**25.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngoại tệ các loại		
+ USD	105,53	105,53
Nợ khó đòi đã được xử lý	5.781.662.641	5.781.662.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THÔNG TIN KHÁC

25.2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	Công ty con
2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cho thuê văn phòng	219.959.452	212.950.159
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	219.959.452	212.950.159
Chi phí lãi vay	179.491.668	180.483.334
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	179.491.668	180.483.334
Góp vốn vào Công ty con		
- Công ty TNHH Đầu tư Marina	348.000.000	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát		
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	263.666.667	251.466.667
- Thù lao Ban Kiểm soát	65.233.334	66.000.000
Tiền lương, thưởng		
- Ban Giám đốc	523.744.839	557.400.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khác		
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	598.209.232	148.511.793
Chi phí phải trả		
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	1.427.669.450	1.248.177.782
Vay ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	7.140.000.000	7.140.000.000
Phải trả khác		
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét.

Tại ngày 01/01/2017, Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số trình bày tại 01/01/2017	Số trên Báo cáo Kiểm toán 31/12/2016	Số trình bày lại Tăng (+)/Giảm(-)
TÀI SẢN			-
Phải thu dài hạn khác	10.002.500.000	10.000.000.000	2.500.000
Tài sản dài hạn khác	-	2.500.000	(2.500.000)

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc

Trưởng phòng kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Công Tuấn

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Lan Hương

